TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **143**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 28 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1968; căn cước công dân số 046168010732, cấp ngày 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C; Địa chỉ: Thôn N, xã L, thành phố H.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964; căn cước số 046064012998, cấp ngày 04/11/2024 tại Bộ C; Địa chỉ: Thôn N, xã L, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Bùi Thị K và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Bùi Thị K và ông Lê Văn T xác nhận có 02 người con chung là Lê Văn Xuân H, sinh ngày 20/10/1995 và Lê Văn Xuân A, sinh ngày 27/11/1999, các con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị K chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001113 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Trả lại cho bà Bùi Thị K 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND xã Lộc An, TP Huế (ĐKKH ngày 09/12/2020 tại UBND xã Lộc An, huyện Phú Lộc cũ);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân